

Số: /KH-UBND

Đồng Lê, ngày tháng năm 2026

KẾ HOẠCH
Chuyển đổi số xã Đồng Lê giai đoạn 2026 - 2030

I. CĂN CỨ LẬP KẾ HOẠCH

- Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;
- Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;
- Nghị quyết số 214/NQ-CP ngày 23/7/2025 của Chính phủ ban hành kế hoạch hành động của Chính phủ về thúc đẩy tạo lập dữ liệu phục vụ chuyển đổi số toàn diện;
- Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, cập nhật Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;
- Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về đảm bảo an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ;
- Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng năm 2030;
- Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;
- Căn cứ Kế hoạch Chuyển đổi số tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2026 - 2030 của UBND tỉnh Quảng Trị;
- Kế hoạch 570/KH-UBND ngày 19/9/2025 của UBND xã Đồng Lê thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị, Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ; Kế hoạch số 635/KH-UBND ngày 22/8/2025 của UBND tỉnh, Kế hoạch hành động số 17-KH/ĐU ngày 26/8/2025 của Ban Thường vụ Đảng ủy thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị trên địa bàn xã Đồng Lê;
- Căn cứ tình hình thực tiễn của địa phương.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung.

Hoàn thiện xây dựng Chính quyền số cấp xã hoạt động dựa trên nền tảng dữ liệu tập trung của tỉnh, kết nối trực tiếp không qua cấp trung gian. Khắc phục triệt để các tồn tại về hạ tầng, an toàn thông tin mạng. Phát triển đồng bộ kinh tế số và xã hội số, lấy người dân làm trung tâm, doanh nghiệp/hộ kinh doanh làm động lực, hướng tới xây dựng xã Đồng Lê thành xã thông minh, an toàn và phát triển toàn diện.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Về phát triển Chính quyền số.

Giai đoạn 2026 - 2027: 100% thủ tục hành chính đủ điều kiện được thực hiện trực tuyến toàn trình; 95% người dân, doanh nghiệp đánh giá hài lòng khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến; 100% cán bộ, công chức xã được đào tạo kỹ năng số cơ bản; 50% dân số trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân.

- **Giai đoạn 2028 - 2030:** 99% người dân, doanh nghiệp đánh giá hài lòng khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến; 100% hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính được số hóa; 100% cán bộ, công chức xã xử lý công việc trên môi trường điện tử và sử dụng chữ ký số chuyên dùng công vụ; 70 dân số trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân.

- 100% các hệ thống thông tin, mạng nội bộ của UBND xã được phê duyệt hồ sơ đề xuất và triển khai phương án bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ.

2.2. Về phát triển Kinh tế số.

Phát triển kinh tế số để tăng năng suất lao động, nâng cao năng lực cạnh tranh, đổi mới mô hình kinh doanh, thúc đẩy tăng trưởng nhanh, bền vững và tối ưu hóa cấu trúc nền kinh tế phù hợp với điều kiện của tỉnh Quảng Trị. Phấn đấu đạt được các chỉ tiêu cụ thể như sau:

- Chỉ tiêu tăng trưởng đến năm 2030:

- + Tỷ trọng kinh tế số đạt tối thiểu tăng từ 15-20% GRDP;
- + Tỷ trọng kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực đạt tối thiểu 15%;
- + Tỷ trọng thương mại điện tử trong tổng mức bán lẻ đạt trên 15%;
- + Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng nền tảng hợp đồng điện tử đạt 100%;
- + Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số đạt trên 70%;
- + Tỷ lệ nhân lực lao động kinh tế số trong lực lượng lao động đạt trên 3%

Hỗ trợ các cửa hàng, hộ kinh doanh, doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn xã chuyển đổi số thông qua sử dụng các nền tảng số phục vụ quản lý, kinh doanh.

+ 100% hộ sản xuất nông nghiệp, sản phẩm OCOP của xã được khuyến khích, hỗ trợ tham gia các sàn thương mại điện tử (buudien.vn, Voso...).

+ Đẩy mạnh thanh toán điện tử, xây dựng thành công các mô hình “Chợ số”, “Thôn số”, “Tiểu khu số” “Hợp tác xã số”.

2.3. Về phát triển Xã hội số và Hạ tầng số.

Phát triển xã hội số nhằm tạo lập môi trường làm việc, học tập, tương tác bảo đảm tổ chức, cá nhân được tiếp cận, sử dụng và thụ hưởng lợi ích từ chuyển đổi số một cách thuận tiện, an toàn và hiệu quả trên môi trường số.

- Chỉ tiêu tăng trưởng đến năm 2030:

+ Tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản tại ngân hàng hoặc tổ chức được phép khác đạt tối thiểu 90%;

+ Tỷ lệ dân số trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân đạt tối thiểu 70%;

+ Tỷ lệ người dân đủ điều kiện có Sổ sức khỏe điện tử trên ứng dụng VNeID đạt tối thiểu 90%.

+ Tỷ lệ người dân biết kỹ năng về công nghệ thông tin và truyền thông đạt tối thiểu 95%;

+ Mạng băng rộng di động 5G phủ sóng 90% dân số;

+ Tỷ lệ sử dụng IPv6 toàn xã đạt 90% -100%.

+ 100% người dân có khả năng tiếp cận các kênh truyền thông chính thống trên nền tảng số; Phổ cập nền tảng truyền hình số quốc gia tới 100% hộ gia đình có kết nối Internet.

- Bảo đảm mọi đối tượng người dân đều có cơ hội tiếp cận và thụ hưởng các dịch vụ số.

- Bảo vệ dữ liệu cá nhân, bảo đảm an ninh mạng cho người dân, doanh nghiệp khi tham gia vào giao dịch điện tử, dịch vụ số.

- Thúc đẩy hành vi và văn hóa ứng xử có trách nhiệm trên môi trường số.

III. NHIỆM VỤ

1. Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành; kiểm tra, giám sát hoạt động chuyển đổi số.

- Tiếp tục tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành toàn diện hoạt động chuyển đổi số, bảo đảm sự thống nhất, đồng bộ, quyết liệt tại địa phương, coi đây là nhiệm vụ trọng tâm trong chương trình công tác.

- Triển khai thực hiện quy định trách nhiệm người đứng đầu các cơ quan nhà nước trực tiếp phụ trách, chỉ đạo xây dựng, ban hành và triển khai chương trình, kế hoạch, nhiệm vụ chuyển đổi số. Cụ thể hóa nhiệm vụ chuyển đổi số trong chương trình, kế hoạch công tác hằng năm của đơn vị. Thực hiện nghiêm chế độ báo cáo định kỳ, chuyên đề về kết quả chuyển đổi số của các phòng chuyên môn.

2. Thể chế, chính sách số.

Hoàn thiện thể chế, cơ chế, chính sách để chuyển đổi số được triển khai hiệu quả, thống nhất, đồng bộ và bền vững. Tập trung thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Triển khai thực hiện các chủ trương, nghị quyết của Trung ương, Chính phủ, của Tỉnh và Sở Khoa học và Công nghệ về Chuyển đổi số. Thường xuyên rà soát, cập nhật định kỳ trong quá trình triển khai thi hành Luật Chuyển đổi số để kịp thời điều chỉnh các văn bản và ban hành các văn bản liên quan đến Luật Chuyển đổi số trên địa bàn xã; nghiên cứu, đề xuất (sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ) liên quan đến Luật Chuyển đổi số.

- Tổ chức hướng dẫn triển khai, thực hiện các quy định cải cách về cơ chế tài chính trong thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số; đơn giản hóa tối đa hồ sơ, thủ tục quản lý sử dụng và thanh quyết toán đối với hoạt động chuyển đổi số.

- Tham mưu đề xuất chế độ chính sách hỗ trợ cán bộ làm công tác chuyển đổi số, khuyến khích người có chuyên môn CNTT, an toàn thông tin, dữ liệu số làm việc tại các phòng chuyên môn.

3. Hạ tầng số.

Phát triển hạ tầng số đồng bộ, hiện đại, an toàn và bền vững, bảo đảm nền tảng kỹ thuật phục vụ kết nối, chia sẻ dữ liệu tập trung thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Chuyển đổi IPv6 toàn diện: Thực hiện nghiêm túc "Chương trình thúc đẩy, triển khai, chuyển đổi IPv6 only cho Việt Nam giai đoạn 2026 - 2030". Đạt tỷ lệ 90-100% sử dụng IPv6 vào năm 2030.

- Phát triển mạng thông tin di động 5G. Rà soát, thúc đẩy các doanh nghiệp viễn thông ưu tiên phát triển hạ tầng số kiên cố, bền vững.

- Đầu tư phát triển hệ thống truyền thanh thông minh lắp đặt phủ sóng 100% trên địa bàn xã, kết nối Internet phục vụ tuyên truyền, cảnh báo thiên tai, an toàn thông tin, phòng chống cháy nổ, an ninh trật tự. Từng bước hình thành hạ tầng Internet vạn vật (IoT) trong các lĩnh vực nông nghiệp, giao thông, y tế, giáo dục, du lịch.

4. Nhân lực số.

- Phát triển nhân lực số toàn diện trên toàn xã. Tập trung nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ làm công tác chuyển đổi số, công nghệ thông tin, dữ liệu và an toàn thông tin trong đơn vị. Đào tạo kỹ năng số cho 100% cán bộ, công chức, viên chức (CBCCVC); trong đó tối thiểu 30% được đào tạo chuyên sâu về quản trị dữ liệu, AI, an toàn thông tin, khai thác nền tảng số và hướng dẫn người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến.

- Tiếp tục triển khai hiệu quả phong trào “Bình dân học vụ số”; tiếp tục duy trì, kiện toàn và phát triển Tổ công nghệ số cộng đồng và Đề án 06 tại 34/34 thôn, tiểu khu nhưng chuyển trọng tâm từ số lượng sang chất lượng hoạt động và kỹ năng thực hành. Tổ chức các khóa tập huấn và hội thảo chia sẻ kinh nghiệm trong

việc hỗ trợ người dân sử dụng nền tảng số như: giao dịch trực tuyến, định danh điện tử, thanh toán không dùng tiền mặt và hướng dẫn sử dụng các nền tảng số cơ bản.

- Khuyến khích lực lượng trẻ và nhân lực tại chỗ tham gia chuyển đổi số. Gắn nội dung chuyển đổi số với hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội, xem đây là nhiệm vụ thường xuyên trong phong trào “Chuyển đổi số - nhanh hơn, hiệu quả hơn, gần dân hơn.”

5. An toàn thông tin mạng.

- Xây dựng và tổ chức triển khai Kế hoạch đảm bảo an toàn thông tin, an ninh mạng trên địa bàn xã theo từng giai đoạn. Ban hành các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến công tác đảm bảo an toàn, an ninh thông tin, bảo vệ bí mật Nhà nước, bảo vệ dữ liệu cá nhân thuộc thẩm quyền của UBND xã.

- Xây dựng Hồ sơ và triển khai phương án đảm bảo an toàn thông tin theo cấp độ được quy định tại Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ cho 100% hệ thống thông tin quan trọng trên địa bàn tỉnh.

- Ứng dụng AI để rà quét, phát hiện và ngăn chặn tin giả, thông tin xấu độc, lừa đảo trực tuyến (Deepfake).

6. Chính quyền số.

- Tiếp tục triển khai tuyên truyền người dân sử dụng nền tảng ứng dụng Công dân số tỉnh Quảng Trị (QUANGTRI-S), tạo kênh tương tác giữa người dân, doanh nghiệp với chính quyền trên thiết bị di động thông minh, góp phần thực hiện mục tiêu xây dựng chính quyền số, phát triển xã hội số.

- Tập trung khai thác, sử dụng hiệu quả các hệ thống số của tỉnh như Hệ thống quản lý văn bản và điều hành, Một cửa điện tử, Cổng Dịch vụ công, Hệ thống báo cáo điều hành, hội nghị trực tuyến, phần mềm phản ánh hiện trường, cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và ứng dụng định danh điện tử VNeID; hướng dẫn người dân nộp hồ sơ, thanh toán điện tử, tra cứu kết quả trực tuyến; tăng cường ứng dụng công nghệ số trong chỉ đạo, điều hành, quản lý công việc.

- Tổ công nghệ số cộng đồng tiếp tục phát huy vai trò hỗ trợ, tuyên truyền, hướng dẫn người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến và các tiện ích số thiết yếu. 100% xử lý công việc trên môi trường điện tử; 100% cán bộ, công chức sử dụng chữ ký số công vụ. Các hệ thống nền tảng số của tỉnh vận hành ổn định, an toàn, kết nối thông suốt, góp phần nâng cao hiệu quả quản trị, điều hành và chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp.

7. Kinh tế số và xã hội số.

- Tăng cường hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh chuyển đổi mô hình quản trị và kinh doanh sang môi trường số. Hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận quỹ khoa học và công nghệ, chương trình đổi mới sáng tạo, chính sách tín dụng ưu đãi. Phát triển nền tảng thương mại điện tử tỉnh, khuyến khích hộ sản xuất

nông nghiệp, sản phẩm OCOP tham gia sàn buudien.vn. Hợp tác với VNPT, Viettel, FPT... triển khai chương trình “Doanh nghiệp số địa phương”. Xây dựng, triển khai kế hoạch để mỗi người dân có danh tính số, phương tiện số, kỹ năng số và tài khoản số, hình thành công dân số.

- Đẩy mạnh thanh toán điện tử trong lĩnh vực giáo dục, y tế, du lịch và dịch vụ công. Xây dựng mô hình “Chợ số”, “Thôn số”, “Tiểu khu số” “Doanh nghiệp số”, “Hợp tác xã số”.

- Triển khai các chương trình hỗ trợ, thúc đẩy doanh nghiệp nhỏ và vừa, hộ kinh doanh, hợp tác xã chuyển đổi số. Triển khai chương trình, kế hoạch đẩy mạnh sản xuất thông minh, chuyển đổi số trong các lĩnh vực nông nghiệp, thương mại, giáo dục, y tế, giao thông, du lịch... như: Phát triển hệ thống y tế thông minh ứng dụng công nghệ số, trí tuệ nhân tạo và tích hợp, liên thông dữ liệu nhằm nâng cao hiệu quả, tính kịp thời và chất lượng dịch vụ chăm sóc sức khỏe cho người dân; Phát triển Giáo dục thông minh, xây dựng kho học liệu mở, đa phương tiện, thúc đẩy việc ứng dụng, sử dụng các nền tảng học tập trực tuyến, trí tuệ nhân tạo nhằm hỗ trợ đổi mới phương thức dạy và học; Ứng dụng các giải pháp công nghệ số thân thiện môi trường; công nghệ nâng cao hiệu quả giám sát môi trường, dự báo và quản lý rủi ro thiên tai, biến đổi khí hậu.

- Triển khai phong trào “Bình dân học vụ số” đến 34/34 thôn, tiểu khu; phổ cập kỹ năng số cơ bản cho người dân. Khuyến khích các trường học, trung tâm giáo dục, đoàn thể mở chuyên đề “Công dân số”, “Gia đình số”. Đẩy mạnh truyền thông chuyển đổi số qua đài truyền thanh cơ sở, mạng xã hội, Zalo, Facebook...

8. Nâng cao nhận thức, tuyên truyền, truyền thông và các giải pháp khác đẩy mạnh chuyển đổi số, đảm bảo an toàn thông tin.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, truyền thông, phổ biến kiến thức và kỹ năng số, nâng cao nhận thức của cán bộ, công chức, viên chức, doanh nghiệp và người dân về ý nghĩa, vai trò của chuyển đổi số.

- Tiếp tục triển khai các hoạt động hưởng ứng Ngày Chuyển đổi số Quốc gia (10/10) và Ngày Chuyển đổi số tỉnh Quảng Trị; tổ chức các sự kiện, cuộc thi, tọa đàm, triển lãm, chuyên mục, bản tin chuyên đề nhằm lan tỏa tinh thần chuyển đổi số đến toàn xã hội. Phát huy vai trò Tổ công nghệ số cộng đồng trong công tác tuyên truyền, hỗ trợ kỹ năng số cho người dân.

IV. GIẢI PHÁP

1. Phát huy, nâng cao năng lực lãnh đạo, điều hành chuyển đổi số.

- Rà soát, kiện toàn Ban Chỉ đạo Phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06 của xã; phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên, xác định rõ người đứng đầu chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện chuyển đổi số của đơn vị. Tăng cường sự phối hợp giữa các phòng chuyên môn, cơ quan, đơn vị đoàn thể cấp xã trong triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số;

lồng ghép nội dung chuyển đổi số với cải cách hành chính, phát triển chính quyền số và xây dựng chính quyền vì nhân dân phục vụ.

- Ban hành các chương trình, kế hoạch hành động hàng năm của Ban Chỉ đạo, kèm cơ chế giám sát, đánh giá kết quả triển khai. Đưa kết quả thực hiện chuyển đổi số vào tiêu chí đánh giá, xếp loại cán bộ, công chức, viên chức, đơn vị hàng năm. Tổ chức kiểm tra, giám sát định kỳ, sơ kết, tổng kết công tác chuyển đổi số, kịp thời biểu dương, khen thưởng các tập thể, cá nhân có thành tích tốt.

2. Đẩy mạnh công tác truyền thông, nâng cao nhận thức, bồi dưỡng kỹ năng số cho CBCC, người dân, doanh nghiệp.

- Xây dựng các chương trình, chuyên mục truyền thông về chuyển đổi số trên Đài truyền thanh, trang thông tin điện tử xã, mạng xã hội. Tổ chức các hoạt động chào mừng Ngày Chuyển đổi số, các tọa đàm, diễn đàn, hội thi, cuộc thi sáng tạo về chuyển đổi số; phát động phong trào thi đua “Chuyển đổi số - nhanh hơn, hiệu quả hơn, gần dân hơn”.

- Lồng ghép tuyên truyền chuyển đổi số vào các phong trào, hoạt động của đoàn thể chính trị - xã hội; phát huy vai trò Tổ công nghệ số cộng đồng trong hướng dẫn người dân sử dụng dịch vụ công, định danh điện tử, thanh toán không tiền mặt.

3. Phát triển, thu hút nguồn nhân lực chuyển đổi số.

- Tổ chức tập huấn bồi dưỡng, phát triển nhân lực tại chỗ, chú trọng kỹ năng thực hành, kỹ năng hỗ trợ người dân, kỹ năng vận hành hệ thống thông tin và đảm bảo an toàn mạng.

- Có chính sách khuyến khích, khen thưởng đối với công chức, viên chức có sáng kiến, ứng dụng hiệu quả công nghệ số trong công việc.

- Hợp tác với các trường đại học, doanh nghiệp công nghệ, tổ chức chuyên môn để tổ chức các khóa học, thực hành kỹ năng chuyển đổi số, sử dụng AI cho cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan, đơn vị.

4. Nguồn lực tài chính.

Bố trí nguồn kinh phí cho công tác đầu tư hạ tầng chuyển đổi số, đào tạo nhân lực và các hoạt động tuyên truyền nâng cao nhận thức của người dân, doanh nghiệp từ các nguồn của nhà nước, địa phương và các nguồn xã hội hóa khác

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số xã.

- Phát huy vai trò là hạt nhân chỉ đạo, điều hành toàn diện công tác chuyển đổi số trên địa bàn; chịu trách nhiệm trực tiếp trước UBND xã, UBND tỉnh về việc hoàn thành hệ thống chỉ tiêu được giao.

- Chủ trì đôn đốc, kiểm tra, đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của từng cơ quan, đơn vị; lấy kết quả thực hiện chuyển đổi số làm tiêu chí quan trọng trong đánh giá, bình xét thi đua, khen thưởng hằng năm.

- Duy trì nghiêm túc chế độ họp định kỳ để kịp thời đánh giá tiến độ, tháo gỡ các "điểm nghẽn" phát sinh trong thực tiễn. Tổ chức tổng hợp, báo cáo kết quả định kỳ trực tiếp về Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh đảm bảo đúng quy định.

2. Phòng Văn Hóa - Xã hội.

- Chủ trì tổ chức triển khai, hướng dẫn, đôn đốc, theo dõi, kiểm tra và phối hợp với các cấp, các ngành triển khai thực hiện Kế hoạch này; tổng hợp kết quả báo cáo UBND xã, BCD chuyển đổi số xã, UBND tỉnh theo quy định.

- Chỉ đạo, hướng dẫn các hoạt động truyền thông về vị trí, vai trò, tầm quan trọng của chuyển đổi số, xây dựng chính quyền số, kinh tế số và xã hội số

- Chủ trì thực hiện tốt công tác quản lý đầu tư, ứng dụng CNTT sử dụng nguồn vốn ngân sách theo chức năng được quy định, bảo đảm cho công tác đầu tư đồng bộ, tiết kiệm, hiệu quả.

- Phối hợp với phòng Kinh tế tham mưu xây dựng dự toán kinh phí thực hiện các chương trình, dự án chuyển đổi số trọng tâm của xã, trình UBND xã xem xét, quyết định.

3. Công an xã.

- Là cơ quan thường trực, chủ trì tham mưu triển khai toàn diện các nhiệm vụ thuộc Đề án 06 của Chính phủ trên địa bàn; đẩy mạnh công tác làm sạch dữ liệu dân cư, đẩy nhanh tiến độ thu nhận, kích hoạt và hướng dẫn Nhân dân sử dụng tài khoản định danh điện tử (VNeID) mức độ 2.

- Phối hợp chặt chẽ với các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh triển khai đồng bộ các giải pháp đảm bảo an toàn thông tin, an ninh mạng cho toàn bộ hệ thống hạ tầng, phần mềm của xã; trực tiếp hỗ trợ Văn phòng HĐND&UBND vận hành và duy trì tiêu chuẩn an toàn hệ thống thông tin cấp độ 2; kịp thời phát hiện, ngăn chặn và xử lý tội phạm sử dụng công nghệ cao trên không gian mạng.

4. Các phòng chuyên môn và Trung tâm Phục vụ Hành chính công.

- Trách nhiệm chung: Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao và Kế hoạch Chuyển đổi số giai đoạn/hàng năm của UBND xã, các phòng chuyên môn chủ động xây dựng kế hoạch triển khai chi tiết sát với thực tiễn đơn vị mình. Quán triệt 100% cán bộ, công chức thay đổi tư duy, thói quen làm việc, áp dụng triệt để nền tảng số vào công tác chuyên ngành, xử lý văn bản trên môi trường điện tử và sử dụng chữ ký số công vụ.

- Trung tâm Phục vụ Hành chính công: Đổi mới phương thức phục vụ, bố trí cán bộ trực tiếp hướng dẫn người dân, doanh nghiệp nộp hồ sơ trực tuyến toàn trình và thanh toán điện tử. Thực hiện nghiêm nguyên tắc số hóa 100% hồ sơ, kết

quả giải quyết thủ tục hành chính; tuyệt đối không yêu cầu người dân cung cấp lại các thông tin, giấy tờ đã được số hóa và kết nối trên hệ thống.

5. Phòng Kinh tế.

Trực tiếp tham mưu ưu tiên cân đối, bố trí nguồn lực hợp lý từ ngân sách xã; đồng thời, chủ động lập dự toán, tham mưu UBND xã đề xuất UBND tỉnh cấp kinh phí để triển khai các dự án chuyển đổi số thiết yếu, đột xuất (đầu tư hạ tầng mạng, thiết bị bảo mật, các phần mềm chuyên ngành).

6. Trung tâm Dịch vụ tổng hợp xã.

Xây dựng chuyên trang, chuyên mục, phóng sự, các chương trình truyền hình, các giải pháp truyền thông hiện đại để tuyên truyền rộng rãi về các kế hoạch, nội dung, hoạt động chuyển đổi số của xã; nâng cao nhận thức, thay đổi thói quen hành vi, tạo sự đồng thuận của người dân, doanh nghiệp về thực hiện chuyển đổi số.

Tiếp tục đăng tải tin, bài, video tuyên truyền về hoạt động, mô hình, điển hình tiên tiến, hiệu quả của chuyển đổi số trên địa bàn. Khuyến khích ứng dụng mạng xã hội, nền tảng số mới (Zalo, Facebook, YouTube...) để truyền thông hai chiều giữa chính quyền và người dân.

7. Tổ Công nghệ số cộng đồng và Đề án 06.

- Phát huy vai trò là "cánh tay nối dài" của Ban Chỉ đạo tại cơ sở. Trực tiếp bám nắm địa bàn, thực hiện phương châm "đi từng ngõ, gõ từng nhà, hướng dẫn từng người" để lan tỏa kỹ năng số đến từng hộ gia đình.

- Trực tiếp hỗ trợ, "cầm tay chỉ việc" giúp người dân sử dụng thành thạo các tiện ích thiết yếu như: Cổng dịch vụ công trực tuyến, ứng dụng VNeID, Công dân số Quảng Trị (QUANGTRI-S), Sổ sức khỏe điện tử, tham gia mua bán trên sàn thương mại điện tử và các nền tảng thanh toán không dùng tiền mặt. Thường xuyên tự bồi dưỡng, nâng cao kỹ năng số cho các thành viên trong Tổ để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ thực tiễn.

8. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã và các tổ chức chính trị - xã hội.

- Phối hợp chặt chẽ với chính quyền cùng cấp đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và các tầng lớp Nhân dân tích cực hưởng ứng, tham gia công cuộc chuyển đổi số của địa phương; thay đổi nhận thức, thói quen và tiên phong sử dụng các dịch vụ công trực tuyến, nền tảng thanh toán không dùng tiền mặt, ứng dụng VNeID và các tiện ích số thiết yếu khác.

- Lồng ghép sâu rộng các mục tiêu, nhiệm vụ chuyển đổi số vào chương trình, kế hoạch công tác hằng năm và các phong trào thi đua của từng tổ chức, đoàn thể; phát động các phong trào gắn với đặc thù của tổ chức hội (như Đoàn Thanh niên xung kích chuyển đổi số, Hội Phụ nữ hỗ trợ nữ tiểu thương bán hàng trực tuyến, Hội Nông dân ứng dụng công nghệ số vào sản xuất và tiêu thụ nông sản...).

- Phát huy tối đa vai trò nòng cốt, xung kích của lực lượng đoàn viên, hội viên (đặc biệt là lực lượng Đoàn viên Thanh niên) trong việc tham gia và duy trì hiệu quả hoạt động của các Tổ công nghệ số cộng đồng tại 100% các thôn, tiểu khu trên địa bàn.

- Thực hiện chức năng giám sát, phản biện xã hội đối với công tác chỉ đạo, điều hành và tổ chức triển khai Kế hoạch chuyển đổi số của chính quyền địa phương; kịp thời nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của Nhân dân để kiến nghị cấp có thẩm quyền điều chỉnh các giải pháp cho phù hợp, đảm bảo quá trình chuyển đổi số mang lại lợi ích thực chất, an toàn và bao trùm cho mọi người dân.

Trên đây là kế hoạch chuyển đổi số giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn xã Đồng Lê./.

Nơi nhận:

- Sở Khoa học & Công nghệ;
- Thường trực Đảng ủy xã;
- Thường trực HĐND xã;
- Lãnh đạo UBND xã;
- BCĐ CDS KHCN xã;
- Các đơn vị sự nghiệp trực thuộc;
- Các thôn, tiểu khu;
- Lưu: VT, VHXX.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Phạm Anh Minh

Phụ lục:
BẢNG CHỈ TIÊU PHÂN THEO TỪNG GIAI ĐOẠN VÀ ĐƠN VỊ CHỊU
TRÁCH NHIỆM THỰC HIỆN, THEO DÕI, GIAI ĐOẠN 2026-2030
(Ban hành kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND, ngày /5/2026 của UBND xã)

STT	Tên chỉ tiêu	Phân kỳ 2026- 2027	Phân kỳ 2028- 2030	Đơn vị chủ trì thực hiện
I	CHÍNH QUYỀN SỐ			
1	Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được thực hiện trực tuyến toàn trình	100%	100%	Trung tâm PVHCC
2	Tỷ lệ thông tin, giấy tờ trong TTHC chỉ cung cấp một lần cho cơ quan nhà nước	100%	100%	Trung tâm PVHCC
3	Tỷ lệ hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC được số hóa	100%	100%	Trung tâm PVHCC
4	DVC trực tuyến thiết yếu được ứng dụng AI hỗ trợ tiếp nhận, xử lý hồ sơ	100%	100% (cá thể hóa)	Trung tâm PVHCC
5	Tỷ lệ người dân, doanh nghiệp hài lòng khi sử dụng DVC trực tuyến	≥ 95%	≥ 99%	Trung tâm PVHCC
6	Tỷ lệ CBCC xã được đào tạo kỹ năng số cơ bản	100%	100%	Phòng VH-XH
7	Tỷ lệ CBCC thường xuyên sử dụng Trợ lý ảo phục vụ công vụ	50%	100%	Toàn thể CBCC
8	Tỷ lệ hệ thống thông tin nội bộ của xã được phê duyệt và áp dụng hồ sơ cấp độ ATTT mạng	100%	100%	VP HĐND-UBND
II	KINH TẾ SỐ			
9	Tỷ lệ cửa hàng, hộ kinh doanh, hợp tác xã sử dụng nền tảng số, thanh toán không tiền mặt	≥ 50%	≥ 70%	Phòng Kinh tế
10	Tỷ lệ hộ kinh doanh/DN sử dụng nền tảng hợp đồng điện tử / hóa đơn điện tử	100%	100%	Phòng Kinh tế
III	XÃ HỘI SỐ & HẠ TẦNG SỐ			
11	Tỷ lệ dân số trưởng thành có tài khoản định danh điện tử (VNeID) mức 2	≥ 80%	100%	Công an xã
12	Tỷ lệ người dân đủ điều kiện có Sổ sức khỏe điện tử trên ứng dụng VNeID	≥ 80%	≥ 95%	Phòng VH-XH, CA xã
13	Tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản tại ngân hàng	≥ 85%	≥ 95%	Các Hội đoàn thể

STT	Tên chỉ tiêu	Phân kỳ 2026- 2027	Phân kỳ 2028- 2030	Đơn vị chủ trì thực hiện
14	Tỷ lệ dân số trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân	50%	70%	Văn phòng HĐND&UBND
15	Tỷ lệ phủ sóng mạng băng rộng di động 5G trên địa bàn dân cư	$\geq 70\%$	$\geq 95\%$	Phòng VH-XH, Các DN Viễn thông
16	Tỷ lệ thiết bị đầu cuối của cơ quan xã chuyển đổi sang sử dụng IPv6	100%	100%	Văn phòng HĐND&UBND